TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22/8/2025
V/v tranh chấp: *"ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Chương và ông Võ Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo–Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 72/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐ-ST ngày 06/8/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1996; Trú tại: Thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa (nay là thôn M, xã V, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt (Có đơn xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Minh T1, sinh năm 1989; Trú tại: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là thôn H, xã T, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị T và anh Lê Minh T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 19/7/2016 tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian tại Thành phố Hồ Chí Minh sau đó về quê anh T1 ở thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là thôn H, xã T, tỉnh Đắk Lắk) sinh sống. Quá trình chung sống của vợ chồng cũng bình thường, đến tháng 5/2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 gây nợ nần rồi tự bỏ nhà đi nhiều lần, không quan tâm, chăm lo đến cuộc sống vợ chồng và gia đình. Chị T và anh T1 không còn sống chung với nhau

từ tháng 5/2021, chị T về nhà cha mẹ đẻ ở thôn M, xã V, huyện V (nay là thôn M, xã V), tỉnh Khánh Hòa sinh sống. Bản thân thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn hạnh phúc với anh T1 được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Minh Uyên N, sinh ngày 03/7/2017; Hiện cháu N do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N; Chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Minh T1 đã được TAND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên (nay là TAND khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk) triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến*: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T. Về hôn nhân: chị T được ly hôn với anh T1; Về con chung: Giao cháu Lê Minh Uyên N, sinh ngày 03/7/2017 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị T khởi kiện anh Lê Minh T1 trú tại: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là thôn H, xã T, tỉnh Đắk Lắk) về việc "Ly hôn". Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên (nay là TAND khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk). Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định pháp luật, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Lê Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lê Minh T1 tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là UBND

xã T, tỉnh Đắk Lắk) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 19/7/2016 nên được coi là hôn nhân hợp pháp.

HĐXX xét thấy: Chị T đề nghị Tòa án cho ly hôn vì trong quá trình sống chung anh T1 không quan tâm, chăm lo đến cuộc sống vợ chồng và gia đình, anh T1 gây nợ rồi tự bỏ nhà đi nhiều lần. Chị T và anh T1 không còn sống chung với nhau từ tháng 5/2021. HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh T1 là trầm trọng do mâu thuẫn kéo dài và cả hai cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, đời sống chung của vợ chồng thực tế không tồn tại, khả năng hàn gắn không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên, chị T được ly hôn với anh T1.

[3] Về con chung: chị T và anh T1 có 01 con chung tên Lê Minh Uyên N, sinh ngày 03/7/2017, cháu N đang sống cùng chị T, tình cảm mẹ con gắn bó; quá trình giải quyết vụ án, cháu N có văn bản trình bày nguyện vọng được sống với chị T nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu N cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227; Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lê Minh T1.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Minh Uyên N, sinh ngày 03/7/2017 cho chị Lê Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Lê Minh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0006772 ngày 19/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 14-Đắk Lắk(2);
- Phòng THADS khu vực 14-Đắk Lắk;
- UBND xã Tuy An Đông;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.